

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>E-ĐKC 1.3</b>	<p>Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 2, số 478 đường 2/9, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng</p> <p>Đại diện: Ông Lê Đình Chiến Chức vụ: Giám đốc</p> <p>Địa chỉ: số 478 đường 2/9, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng</p> <p>Tài khoản: 115000008870 tại Ngân hàng TMCP Công thương – CN Đà Nẵng</p> <p>Điện thoại: 0236 2225610/12/08 Fax: 0236 2225610/112/08</p>
<b>E-ĐKC 1.5</b>	<p>Địa điểm cung cấp dịch vụ là:</p> <p>Công ty Truyền tải điện 2</p>
<b>E-ĐKC 1.11</b>	<p>Nhà thầu: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].</p>
<b>E-ĐKC 2.2 (i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"><li><b>Các tài liệu kỹ thuật liên quan.</b></li><li><b>Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng:</b><ul style="list-style-type: none"><li>+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/04/2025 Về việc ban hành Hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam (Quyết định 514).</li><li>+ Quyết định 514 nêu trên đã được đăng tải trên mục Văn bản pháp quy của Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu Thầu của EVN tại địa chỉ <a href="https://dauthau.evn.com.vn/">https://dauthau.evn.com.vn/</a>.</li><li>+ Đề nghị các nhà thầu truy cập đường dẫn tại địa chỉ <a href="https://dauthau.evn.com.vn/">https://dauthau.evn.com.vn/</a> để tìm hiểu các thông tin quy định của EVN trong quá trình hiện Hợp đồng.</li></ul></li></ol>
<b>E-ĐKC 4.1</b>	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <p>Người nhận: Công ty Truyền tải điện 2.</p>

	<p>Địa chỉ: số 478 đường 2/9, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.</p> <p>Điện thoại: 0236 2225610/12/08      Fax: 0236 2225610/112/08.</p>
<p><b>E-ĐKC 5.2</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>10% giá hợp đồng.</b></li> <li>- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư/Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 19 Phần 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 30 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</li> <li>- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</li> <li>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</li> <li>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</li> <li>+ Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>+ Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;</li> <li>+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp</li> </ul> </li> </ul>

	<p>đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</li> <li>+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 30 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</li> <li>- Trường hợp Dự án được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng, tuy nhiên Nhà cung cấp vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng thì Nhà cung cấp phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định.</li> </ul> </li> </ul> <p>Khi Bên B vi phạm hợp đồng và Bên A khấu trừ một phần bảo lãnh do nhà thầu vi phạm thì Bên B phải có trách nhiệm bổ sung giá trị bảo đảm bị khấu trừ để Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng phải là 10% giá hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 5.4</b></p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</p> <p>Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 68 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.</p>
<p><b>E-ĐKC 6.1</b></p>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT]</i>.</p>
<p><b>E-ĐKC 6.2</b></p>	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 6.4</b></p>	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà thầu phụ có tất cả các quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu theo quy định của Nghị định 37/2015/NĐ-CP và quy định của pháp luật khác có liên quan.</li> <li>+ Nhà thầu phụ chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ do mình cung cấp. Việc nghiệm thu của Bên A (đại diện chủ đầu tư) không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu phụ</li> </ul>

	<p>trừ các trường hợp mà các sai sót không phải do lỗi nhà thầu hoặc do nguyên nhân khách quan hay bất khả kháng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà thầu phụ phải đảm bảo tính pháp lý, rõ ràng, phải chứng minh được năng lực đối với phần việc được giao và phải được chủ đầu tư chấp nhận.</li> <li>+ Việc thanh toán cho nhà thầu phụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết hợp đồng xây dựng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 10.1</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói.
<b>E-ĐKC 10.2</b>	Giá hợp đồng: Cố định.
<b>E-ĐKC 11</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 12.1</b>	Tạm ứng: không áp dụng
<b>E-ĐKC 13.1</b>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh, quyết toán.</li> <li>- Hình thức thanh toán: chuyển khoản 100% giá trị vào tài khoản của bên B</li> <li>- Giá trị thanh toán: thanh toán 100% giá trị hàng hóa và dịch vụ của Hợp đồng khi nhà thầu hoàn thành việc bàn giao hàng hóa và toàn bộ khối lượng dịch vụ của gói thầu.</li> <li>- Hồ sơ thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biên bản giao nhận và nghiệm thu hàng hóa, dịch vụ.</li> <li>+ Văn bản đề nghị thanh, quyết toán.</li> <li>+ Tài liệu C/O, C/Q.</li> <li>+ Hóa đơn điện tử do bên B phát hành (bên B phải chịu hoàn</li> </ul> </li> </ul>

	<p>toàn trách nhiệm về tính xác thực của hóa đơn) gửi về theo địa chỉ mail của phòng Tài chính kế toán PTC2: ptcktptc2@gmail.com.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chứng thư bảo lãnh bảo hành hàng hóa theo hợp đồng.</li> <li>+ Phiếu giá thanh toán theo quy định.</li> <li>+ Thanh lý hợp đồng.</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 13.2</b></p>	<p>Giảm trừ thanh toán: không áp dụng.</p>
<p><b>E-ĐKC 15</b></p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 1%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 10% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, Nhà thầu còn phải bồi thường các thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) trong trường hợp do các sai sót, do hành vi vi phạm hợp đồng của Nhà thầu dẫn đến thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) về người và tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</li> <li>+ Ngoài mức phạt/bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông</li> </ul>

	<p>tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ <a href="http://dauthau.evn.com.vn">http://dauthau.evn.com.vn</a> để nắm bắt được các thông tin:</p> <p>+ Quy định của EVN khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá.</p> <p>+ Quy định của EVN về việc áp dụng kết quả đánh giá.</p>
<b>E-ĐKC 17.1(c)</b>	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: _____ [ <i>nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)</i> ].
<b>E-ĐKC 17.4</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 18 (e)</b>	Các trường hợp khác: _____ [ <i>ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật</i> ]
<b>E-ĐKC 20.1</b>	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Theo tiến độ, chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/04/2025 Về việc ban hành Hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam (Quyết định 514).</p> <p>- Quyết định 514 nêu trên đã được đăng tải trên mục Văn bản pháp quy của Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu Thầu của EVN tại địa chỉ <a href="https://dauthau.evn.com.vn/">https://dauthau.evn.com.vn/</a>.</p> <p>Đề nghị các nhà thầu truy cập đường dẫn tại địa chỉ <a href="http://dauthau.evn.com.vn">http://dauthau.evn.com.vn</a> để tìm hiểu các thông tin quy định của EVN trong quá trình hiện Hợp đồng.</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo qui định của hợp đồng.</p> <p>Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư bất kỳ sự thay đổi nào so với nội dung trong HSMT, hợp đồng và chỉ ra sự thay đổi đó, để Chủ đầu tư xem xét (kể cả trong quá trình phê duyệt tài liệu kỹ thuật). Trong trường hợp có sự thay đổi nội dung mà Nhà thầu không thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư, gây ảnh hưởng đến tiến độ đóng điện thì Nhà thầu được xem là vi phạm hợp đồng. + Căn cứ vào các mốc tiến độ thực hiện hợp đồng cụ thể đã thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng, nếu Bên B vi phạm các lỗi sau trong quá</p>

trình thực hiện hợp đồng thì Bên A có quyền ban hành văn bản cảnh cáo Bên B:

+ Đối với tiến độ: với từng mốc tiến độ cho từng công việc, khi Bên A đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm mà Bên B chậm triển khai thực hiện hoặc thực hiện chậm thì Bên A ban hành văn bản cảnh cáo đối với Bên B sau mỗi tuần chậm.

+ Đối với việc thực hiện trao đổi thông tin, tham gia họp giao ban định kỳ: khi Bên B không thực hiện việc trao đổi thông tin một cách nghiêm túc, tham gia họp giao ban không đúng thành phần, thông tin báo cáo không chính xác, việc vi phạm quá 3 lần thì Bên A ra văn bản cảnh cáo.

+ Đối với công tác quản lý chất lượng thực hiện dịch vụ: khi nhà thầu bố trí nhân lực, bố trí máy móc thi công và tổ chức công trường thi công không đúng biện pháp tổ chức thi công được thống nhất; khi nhà thầu thực hiện dịch vụ không đúng chỉ dẫn kỹ thuật, sai thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, khi nhà thầu thực hiện chế độ ghi nhật ký thi công, nghiệm thu công việc không nghiêm túc thì đơn vị quản lý dự án ra văn bản nhắc nhở, khi bị nhắc nhở 3 lần thì đơn vị quản lý dự án ra văn bản cảnh cáo.

+ Nhà thầu bị đánh giá thực hiện hợp đồng không đạt (theo kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu định kỳ/hàng năm do EVN phê duyệt gần nhất với thời điểm bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu của gói thầu) sẽ bị các đơn vị thuộc EVNNPT lấy làm cơ sở để đánh giá uy tín của nhà thầu khi tổ chức đấu thầu các gói thầu khác (thuộc EVNNPT).

\*Yêu cầu về bảo hành:

a) Thời hạn bảo hành: Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành 12 tháng.

Hiệu lực bảo lãnh bảo hành là thời gian bảo hành + 30 ngày;

b) Bảo lãnh bảo hành:

- Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 30 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại

	<p>Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 30 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</li> <li>- Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</li> <li>- Tại thời điểm 30 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 30 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</li> </ul> <p>Điều khoản Hợp đồng về Không ràng buộc và hạn chế liên quan đến cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật sau thời gian bảo hành: Nhà thầu cam kết sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của Chủ đầu tư tới các dịch vụ nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị/hệ thống</p>
<p><b>E-DKC</b> <b>21.2</b></p>	<p>Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư/ đại diện Chủ đầu tư.</p>

**E-ĐKC  
22.2**

- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do hai bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh).

- Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Tòa án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Tòa án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Tòa án.